

Bản án số: 59/2024/DS-ST

Ngày: 09-8-2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN-TỈNH VĨNH LONG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Dương

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Tòng

Ông Trương Văn Ánh

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Kim Hồ là thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân: không tham gia phiên tòa**

Ngày 09 tháng 8 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2024/TLST- DS ngày 07 tháng 3 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2024/QĐXX-ST ngày 07 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: 1.1 Ông Phan Văn L, sinh năm 1979 (vắng mặt)

1.2 Bà Phan Thị Bé H, sinh năm 1974 (có mặt)

1.3 Ông Phan Văn T, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long

1.4 Bà Phan Thị Thanh T1, sinh năm 1981 (có mặt)

Địa chỉ: khóm T, thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long

Người đại diện theo ủy quyền của ông L, bà H, ông T, bà T1 là ông Đào Thanh N, sinh năm 1998 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 05, ấp Tân Lập, xã Tân Thành, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long

2. Bị đơn: Ông Ngô Văn T2, sinh năm 1970 (vắng mặt)

Bà Trần Thị Kim L1, sinh năm 1972 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ H, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 25/02/2024 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Phan Văn L, bà Phan Thị Bé H, ông Phan Văn T, bà Phan Thị Thanh T1 và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đào Thanh N trình bày:

Ông Phan Văn L, ông Phan Văn T, bà Phan Thị Bé H, bà Phan Thị Thanh T1 là con của bà Phan Thị L2, bà L2 mất ngày 07/10/2022, cha của ông bà là ông Phan Văn T3 mất ngày 05/5/2020. Sinh thời bà L2 có cho vợ chồng ông Ngô Văn

T2 và bà Trần Thị Kim L1 mượn hai cây vàng 24K, vợ chồng ông T2 cam kết là sau khi trồng khoai xong mùa vụ sau sẽ trả cho bà L2. Nhưng đến nay vợ chồng ông T2 đã không thực hiện. Thời điểm mượn vàng, giữa bà L2 và vợ chồng ông T2 không lập biên nhận, hai bên chỉ thỏa thuận miệng với nhau, việc giao nhận vàng thực hiện tại nhà bà L2.

Nay các ông bà Phan Văn L, Phan Văn T, Phan Thị Bé H, Phan Thị Thanh T1 yêu cầu vợ chồng ông Ngô Văn T2, bà Trần Thị Kim L1 phải có trách nhiệm liên đới trả cho các con của bà L2 bao gồm ông Phan Văn L, ông Phan Văn T, bà Phan Thị Bé H, bà Phan Thị Thanh T1 số vàng là 20 chỉ vàng 24K.

Tại phiên tòa bà Trần Thị Kim L1 trình bày: thời điểm năm 2014 vợ chồng bà có mượn của bà Phan Thị L2 số vàng là 02 cây vàng 24K, đóng lãi mỗi tháng là 2.000.000 đồng, đến năm 2018 thì không có đóng lãi nữa. Việc đóng lãi không có làm biên nhận. Bà thừa nhận có nợ bà L2 02 cây vàng 24K với con bà L2 là bà Bé H khi bà Bé H đến nhà bà. Nợ thì phải trả nhưng do hiện nay bà không có khả năng để trả 01 lần cho bà Bé H, để từ từ bà trả. Bà Bé H ép phải trả 07, 08 chỉ trước là bà không trả được.

Ông Ngô Văn T2 vắng mặt dù đã triệu tập hợp lệ

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: xét theo nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn, kèm theo các tài liệu chứng cứ giao nộp thì đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Ngô Văn T2 được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa vào các ngày 02/7/2024, 19/7/2024 và 09/8/2024 nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt bị đơn ông Ngô Văn T2 là đảm bảo đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Nguyên đơn có đơn khởi kiện ông Ngô Văn T2 và bà Trần Thị Kim L1 yêu cầu ông T2, bà L1 trả số vàng 20 chỉ vàng 24K, số vàng này là của bà Phan Thị L2 mẹ của các ông bà T, H, L, T1 cho vợ chồng bà L1 mượn, đến nay là L2 đã chết, hàng thừa kế thứ nhất của bà L2 yêu cầu.

Bà Trần Thị Kim L1 cũng thừa nhận có nợ bà L2 số vàng là 20 chỉ vàng 24K, nhưng bà có thương lượng với bà H là sẽ trả dần, do hoàn cảnh hiện nay gặp khó khăn, nhưng bà H không đồng ý nên kiện ra tòa.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được bị đơn thừa nhận. Đây được xem là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh được quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Cần buộc bà Trần Thị Kim L1 và ông Ngô Văn T2 liên đới trả cho nguyên đơn ông Phan Văn L, ông Phan Văn T, bà Phan Thị Bé H, bà Phan Thị Thanh T1 số vàng là 20 chỉ vàng 24K

[4] Án phí dân sự sơ thẩm:

Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí mà ông, bà đã nộp.
Buộc ông T2, bà L1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 466, 469, 614 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Buộc bị đơn ông Ngô Văn T2 và bà Trần Thị Kim L1 liên đới trả cho nguyên đơn ông Phan Văn T, bà Phan Thị Bé H, bà Phan Thị Thanh T1, ông Phan Văn L số vàng là 20 chỉ vàng 24K

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Hoàn trả cho bà Phan Thị Bé H số tiền 750.000 đồng theo biên lai thu số 0013362 ngày 07/3/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Tân.

Hoàn trả cho bà Phan Thị Thanh T1 số tiền 750.000 đồng theo biên lai thu số 0013361 ngày 07/3/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Tân.

Hoàn trả cho ông Phan Văn T số tiền 750.000 đồng theo biên lai thu số 0013364 ngày 07/3/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Tân.

Hoàn trả cho ông Phan Văn L số tiền 750.000 đồng theo biên lai thu số 0013363 ngày 07/3/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Tân.

Buộc ông Ngô Văn T2 và bà Trần Thị Kim L1 phải chịu 5.870.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Án xử công khai đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh VL;
- VKSND huyện Bình Tân;
- THADS huyện Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Ánh Dương

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Văn Ánh Lê Minh T5

Nguyễn Ánh Dương

Nơi nhận:

- TAND tỉnh VL;
- VKSND huyện Bình Tân;
- THADS huyện B;
- Cục nãớng sớ;ĩ
- Lõu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ánh Dương

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Tùng Nguyễn Thị Thanh L3 Nguyễn Ánh Dương

Nơi nhận:

- TAND tỉnh VL;
- VKSND huyện Bình Tân;
- THADS huyện Bình Tân;
- Cục nông sô;i
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ánh Dương

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN
TÒA**

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN

